TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 05 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Lai Ngọc T, sinh năm 1987;
- Ông Đoàn Quang T1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Số G đường A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được qui định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2015 ngày 19/6/2015. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có

khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T và ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 xác nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Đoàn Trâm A (Nữ), sinh ngày: 17/08/2016 và Đoàn Thiên A1 (Nữ), sinh ngày: 19/07/2022; Cả hai thỏa thuận: bà T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé Thiên A1, ông T1 sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé Trâm A. Ông T1 cấp dưỡng nuôi bé Thiên A1 mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà T không cấp dưỡng nuôi bé Trâm A. Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà T và ông T1 là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2015 do UBND phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2015).

- Về con chung: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 có 02 (hai) con chung tên Đoàn Trâm A (Nữ), sinh ngày: 17/08/2016 và Đoàn Thiên A1 (Nữ), sinh ngày: 19/07/2022; Cả hai thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé Thiên A1, ông T1 sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé Trâm A. Ông T1 cấp dưỡng nuôi bé Thiên A1 mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà T không cấp dưỡng nuôi bé Trâm A.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/3/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông T1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Lai Ngọc T và ông Đoàn Quang T1 phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân